

CỘNG ĐỒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PVESER

Ebook Bootstrap 3 Tiếng Việt

Version 1.0



GIAOTRINH CNTT.COM

Chia sẻ miễn phí trọn đời trọn kiếp

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Chương I: Tổng quan về Bootstrap	4
I. Bootstrap là gì?	4
II. Tại sao nên sử dụng Bootstrap?	4
III. Quy trình sử dụng Bootstrap	4
Chương II: CSS cơ bản trong Bootstrap 3	7
I. Sử dụng container	7
II. Hệ thống lưới trong Bootstrap (Grid System)	8
III. Kiểu chữ	9
IV. Danh sách	10
V. Bảng (Table)	11
VI. Form trong Bootstrap	13
VII. Button trong Bootstrap	15
VIII. Hình ảnh trong Bootstrap	17
Chương III: Các thành phần trong Bootstrap 3	18
I. Font icon	18
II. Dropdown	18
III. Button Dropdown	20
V. Breadcrumb trong Bootstrap	24
VI. Phân trang trong Bootstrap	25
VII. Label trong Bootstrap	26
VIII. Badges trong Bootstrap	26
IX. Alert trong Bootstrap	26
X. Thanh tiến trình (Progress bars)	27
XI. List Group	30
Chương IV: Phương pháp học Bootstrap	33

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thân mến!

Lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn các bạn đã quan tâm tới website giaotrinhcntt.com.
Đã ủng hộ website suốt thời gian qua.

Với mong muốn cho đi thật nhiều giá trị, giúp đỡ các bạn yêu thích công nghệ thông tin. Tôi cùng đội nhóm đã xây dựng một cộng đồng có tên “Cộng Đồng CNTT Pveser”

Tài liệu này cũng chính là nhân dịp ra mắt Cộng Đồng CNTT Pveser, đó là một món quà tri ân các bạn đã ủng hộ chúng tôi!

Xin cảm ơn!

Chương I: Tổng quan về Bootstrap

I. Bootstrap là gì?

- Bootstrap là một bộ sưu tập miễn phí các công cụ để tạo ra các trang web và các ứng dụng web
- Bootstrap chứa HTML và CSS dựa trên các mẫu thiết kế cho các văn bản, các hình thức, các nút, chuyển hướng và các thành phần khác
- Bootstrap cũng có phần mở rộng JavaScript tùy chọn
- Bootstrap là mã nguồn mở và có sẵn trên GitHub
- Phiên bản mới nhất của Bootstrap tính đến thời điểm tôi viết tài liệu này: Bootstrap 3.3.4
- Trang chủ Bootstrap: <http://getbootstrap.com>

II. Tại sao nên sử dụng Bootstrap?

1. Thiết kế đẹp: Bootstrap được thiết kế bởi các chuyên gia hàng đầu, nên về mặt thẩm mỹ không có gì phải bàn cãi
2. Hỗ trợ trình duyệt: Bootstrap được hỗ trợ bởi tất cả các trình duyệt phổ biến
3. Dễ học: Chỉ cần có 1 chút kiến thức về HTML – CSS là các bạn có thể làm việc với Bootstrap 1 cách đơn giản
4. Responsive Web Design: Từ phiên bản 3, Bootstrap đã có sẵn Responsive Web Design để tương thích với tất cả các loại thiết bị (Desktop, tablet, mobile,...)
5. Tốc độ thiết kế nhanh: Để thiết kế 1 giao diện website, nếu bạn sử dụng Bootstrap thì thời gian bạn hoàn thành rất nhanh so với việc bạn tự code HTML – CSS
6. Hiện đại: Bootstrap được thiết kế phù hợp với xu hướng công nghệ thiết kế web

III. Quy trình sử dụng Bootstrap

1. Thiết lập trước khi sử dụng

- **Bước 1:** Download phiên bản Bootstrap mới nhất tại <http://getbootstrap.com>



- **Bước 2:** Nhúng CSS, Javascript của Bootstrap vào HTML

Khi download Bootstrap về, bạn sẽ thấy cấu trúc các file như sau:

```
bootstrap/  
├── css/  
│   ├── bootstrap.css  
│   ├── bootstrap.css.map  
│   ├── bootstrap.min.css  
│   ├── bootstrap-theme.css  
│   ├── bootstrap-theme.css.map  
│   └── bootstrap-theme.min.css  
├── js/  
│   ├── bootstrap.js  
│   └── bootstrap.min.js  
└── fonts/  
    ├── glyphicons-halflings-regular.eot  
    ├── glyphicons-halflings-regular.svg  
    ├── glyphicons-halflings-regular.ttf  
    ├── glyphicons-halflings-regular.woff  
    └── glyphicons-halflings-regular.woff2
```

Trong bộ Bootstrap có rất nhiều file, nhưng bạn chỉ quan tâm cho mình những file sau đây:

- Ø **CSS:** Bootstrap.css, bootstrap.min.css
- Ø **JS:** bootstrap.js, bootstrap.min.js
- Ø **Fonts:** Toàn bộ thư mục

Trong đó: *bootstrap.css* và *bootstrap.min.css* có tác dụng như nhau. *Bootstrap.js* và *bootstrap.min.js* cũng như vậy

Vậy **min** có nghĩa là gì?

Min có nghĩa là bản nén của file không có min. Các khoảng trắng trong file đã được loại bỏ giúp giảm dung lượng của file.

👉 Lời khuyên:

- Khi thiết kế trên máy tính, các bạn dùng bootstrap.css và bootstrap.js để dễ dàng hơn trong thiết kế
- Khi upload lên server thì dùng bootstrap.min.css và bootstrap.min.js để website load không bị chậm

Tiếp theo, các bạn nhúng file CSS, JS vào HTML theo cú pháp sau:

```
<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
```

```
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="css/bootstrap.min.css"/>
```

```
<script type="text/javascript" src="js/jquery.min.js"></script>
```

```
<script type="text/javascript" src="js/bootstrap.min.js"></script>
```

Chú ý: File jquery.min.js download tại jquery.com. Toàn bộ code trên chèn trong cặp thẻ <head>...</head>

Nhưng tôi khuyên các bạn nên chuyển hết các file JS xuống dưới trang web (Trước thẻ </body>) để website load nhanh hơn

```
<!DOCTYPE HTML>
<html>
  <head>
    <title>Demo Bootstrap</title>
    <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
    <link rel="stylesheet" type="text/css" href="css/bootstrap.min.css"/>
  </head>
  <body>
    Nội dung
    <script type="text/javascript" src="js/jquery.min.js"></script>
    <script type="text/javascript" src="js/bootstrap.min.js"></script>
  </body>
</html>
```

- Bước 3: Cách sử dụng Bootstrap

Các bạn chỉ cần gọi tên class CSS phù hợp với thẻ HTML mà Bootstrap đã quy định sẵn.

Bạn có thể xem các quy định về tên class, HTML tại trang chủ: <http://getbootstrap.com>

Ví dụ:

```
<button class="btn btn-default" type="submit">Button</button>
```

btn và btn-default là tên class mà Bootstrap quy định

Còn rất nhiều điều thú vị nữa về Bootstrap tại chương 2

Chương II: CSS cơ bản trong Bootstrap 3

I. Sử dụng container

Trong thiết kế giao diện HTML – CSS thì việc sử dụng **container** rất quan trọng. Nó giúp tạo ra 1 khung có chiều rộng cố định nằm giữa trang web.



Như trong hình, cái khung màu đỏ chính là container

Vậy cách sử dụng container trong Bootstrap như thế nào?

Cú pháp:

```
<div class="container">
```

Viết gì thì viết

```
</div>
```

Class container trong Bootstrap có chiều rộng 1170px. Với kích thước này thường sẽ không thích hợp với các website tại Việt Nam.

Bạn có thể dùng CSS để đặt chiều rộng cố định cho nó, nhưng nó sẽ không tương thích hiển thị trên các thiết bị có kích thước màn hình nhỏ hơn.

Để xem thủ thuật giải quyết vấn đề này bạn thêm 1 class. Sau đó CSS cho class đó với thuộc tính **max-width**

Ví dụ:

```
.custom_container{max-width: 1000px; }
```

II. Hệ thống lưới trong Bootstrap (Grid System)

Khi các bạn code giao diện bằng HTML – CSS, các bạn muốn tạo nhiều khối nằm ngang hàng với nhau thì các bạn thường dùng đến thuộc tính **float** trong CSS.

Với Bootstrap, bạn không cần làm như vậy nữa. Bootstrap có hệ thống lưới rất mạnh mẽ (Tiếng Anh gọi là Grid System).

Hệ thống lưới trong Bootstrap được chia thành 12 cột. Hệ thống lưới hoạt động hiệu quả khi đặt trong class **.container** (chiều rộng cố định) hoặc **.container-fluid** (chiều rộng full màn hình)

Ví dụ:

```
<div class="container">
  <div class="row">
    <div class="col-md-5">
      Block 01
    </div>
    <div class="col-md-7">
      Block 02
    </div>
  </div>
</div>
```

Qua ví dụ, chắc các bạn cũng đã hiểu về cách sử dụng Grid System trong Bootstrap rồi chứ.

Cú pháp: .col-a-b

Trong đó:

- a: Ký hiệu của thiết bị
- b: Số cột chiếm (trong 12 cột)

	Thiết bị điện thoại (<768px)	Thiết bị máy tính bảng (>=768px)	Thiết bị desktop (>=992px)	Thiết bị desktop lớn (>=1200px)
Tên class	.col-xs-	.col-sm-	.col-md-	.col-lg-

III. Kiểu chữ

1. Heading

Trong HTML có 6 thẻ Heading: Từ h1 đến h6

```
<h1>h1. Bootstrap heading</h1>
<h2>h2. Bootstrap heading</h2>
<h3>h3. Bootstrap heading</h3>
<h4>h4. Bootstrap heading</h4>
<h5>h5. Bootstrap heading</h5>
<h6>h6. Bootstrap heading</h6>
```

2. Chữ gạch ngang

Đây là chữ ~~gạch ngang~~

Trong Bootstrap các bạn sử dụng thẻ `` hoặc thẻ `<s>`

Ví dụ:

```
<del>Đây là chữ gạch ngang</del>
<s>Đây là chữ gạch ngang</s>
```

3. Chữ gạch dưới

Đây là chữ gạch dưới

Bạn có thể sử dụng thẻ `<ins>` hoặc `<u>`

Ví dụ:

```
<ins>Đây là chữ gạch dưới</ins>
<u>Đây là chữ gạch dưới</u>
```

4. Lớp căn chỉnh

Căn chỉnh văn bản bao gồm 5 kiểu: left, center, right, justify, nowrap

```
<p class="text-left">Left aligned text.</p>
<p class="text-center">Center aligned text.</p>
<p class="text-right">Right aligned text.</p>
<p class="text-justify">Justified text.</p>
<p class="text-nowrap">No wrap text.</p>
```

5. Lớp biến đổi

Trong các kiểu biến đổi trong văn bản có 3 kiểu: lowercase, uppercase, capitalize

```
<p class="text-lowercase">Lowercased text.</p>
<p class="text-uppercase">Uppercased text.</p>
<p class="text-capitalize">Capitalized text.</p>
```

IV. Danh sách

1. Kiểu không sắp xếp

Đây là kiểu sắp xếp mặc định. Không cần phải sử dụng đến class

- Lorem ipsum dolor sit amet
- Consectetur adipiscing elit
- Integer molestie lorem at massa
- Facilisis in pretium nisl aliquet
- Nulla volutpat aliquam velit
 - Phasellus iaculis neque
 - Purus sodales ultricies
 - Vestibulum laoreet porttitor sem
 - Ac tristique libero volutpat at
- Faucibus porta lacus fringilla vel
- Aenean sit amet erat nunc
- Eget porttitor lorem

Cú pháp: Sử dụng kiểu này rất đơn giản. Chỉ cần **ul** với **li** là xong

```
<ul>
  <li>...</li>
</ul>
```

2. Kiểu sắp xếp

Kiểu này có đánh số thứ tự. Cách sử dụng cũng rất đơn giản. Không sử dụng đến class

1. Lorem ipsum dolor sit amet
2. Consectetur adipiscing elit
3. Integer molestie lorem at massa
4. Facilisis in pretium nisl aliquet
5. Nulla volutpat aliquam velit
6. Faucibus porta lacus fringilla vel
7. Aenean sit amet erat nunc
8. Eget porttitor lorem

Cú pháp: Rất đơn giản. Chỉ cần dùng ol với li là xong

```
<ol>
    <li>...</li>
</ol>
```

3. Không kiểu

Kiểu này, không có ký tự hay biểu tượng nào trước mỗi dòng. Kiểu này đã được loại bỏ list-style mặc định

Cú pháp:

```
<ul class="list-unstyled">
    <li>...</li>
</ul>
```

4. Kiểu inline

Kiểu inline có nghĩa là tất cả các danh sách sẽ nằm trên cùng 1 dòng

Cú pháp:

```
<ul class="list-inline">
    <li>...</li>
</ul>
```

V. Bảng (Table)

1. Kiểu cơ bản

#	First Name	Last Name	Username
1	Mark	Otto	@mdo
2	Jacob	Thornton	@fat
3	Larry	the Bird	@twitter

```
<table class="table">
    ...
</table>
```

2. Kiểu hàng sọc

#	First Name	Last Name	Username
1	Mark	Otto	@mdo
2	Jacob	Thornton	@fat
3	Larry	the Bird	@twitter

```
<table class="table table-striped">
...
</table>
```

3. Bảng có viền

#	First Name	Last Name	Username
1	Mark	Otto	@mdo
2	Jacob	Thornton	@fat
3	Larry	the Bird	@twitter

```
<table class="table table-bordered">
...
</table>
```

4. Bảng kiểu hover rows

#	First Name	Last Name	Username
1	Mark	Otto	@mdo
2	Jacob	Thornton	@fat
3	Larry	the Bird	@twitter

```
<table class="table table-hover">
...
</table>
```

5. Trang trí từng dòng

#	Column heading	Column heading	Column heading
1	Column content	Column content	Column content
2	Column content	Column content	Column content
3	Column content	Column content	Column content
4	Column content	Column content	Column content
5	Column content	Column content	Column content
6	Column content	Column content	Column content
7	Column content	Column content	Column content
8	Column content	Column content	Column content
9	Column content	Column content	Column content

```

<!-- 0n rows -->
<tr class="active">...</tr>
<tr class="success">...</tr>
<tr class="warning">...</tr>
<tr class="danger">...</tr>
<tr class="info">...</tr>
<!-- 0n cells (`td` or `th`) -->
<tr>
  <td class="active">...</td>
  <td class="success">...</td>
  <td class="warning">...</td>
  <td class="danger">...</td>
  <td class="info">...</td>
</tr>

```

6. Responsive Table

Nếu các bạn muốn Responsive Table, các bạn hãy đặt toàn bộ code table trong cặp thẻ

```
<div class="table-responsive">...</div>
```

VI. Form trong Bootstrap

1. Form cơ bản

Email address**Password****File input** Không có tệp nào được chọn

Example block-level help text here.

☐ Check me out

```

<form>
  <div class="form-group">
    <label for="exampleInputEmail">Email address</label>
    <input type="email" class="form-control" id="exampleInputEmail"
placeholder="Enter email">
  </div>
  <div class="form-group">
    <label for="exampleInputPassword1">Password</label>
    <input type="password" class="form-control" id="exampleInputPassword1"
placeholder="Password">
  </div>
  <div class="form-group">
    <label for="exampleInputFile">File input</label>
    <input type="file" id="exampleInputFile">
    <p class="help-block">Example block-level help text here.</p>
  </div>
  <div class="checkbox">
    <label>
      <input type="checkbox"> Check me out
    </label>
  </div>
  <button type="submit" class="btn btn-default">Submit</button>
</form>

```

2. Form inline

Name Email

Tương tự như form cơ bản. Các bạn chỉ cần thêm `class="form-inline"` vào thẻ form là được

```

<form class="form-inline">
  <div class="form-group">

```

```

<label for="exampleInputName2">Name</label>
<input type="text" class="form-control" id="exampleInputName2"
placeholder="Jane Doe">
</div>
<div class="form-group">
<label for="exampleInputEmail2">Email</label>
<input type="email" class="form-control" id="exampleInputEmail2"
placeholder="jane.doe@example.com">
</div>
<button type="submit" class="btn btn-default">Send invitation</button>
</form>

```

Tóm lại: Đây là 2 kiểu form chính. Các bạn muốn biết thêm về các kiểu form khác mời truy cập vào link sau để biết thêm chi tiết: <http://getbootstrap.com/css/#forms>

VII. Button trong Bootstrap

Sử dụng Button class trong Bootstrap với <a>, <button> hoặc <input>



```

<a class="btn btn-default" href="#" role="button">Link</a>
<button class="btn btn-default" type="submit">Button</button>
<input class="btn btn-default" type="button" value="Input">
<input class="btn btn-default" type="submit" value="Submit">

```

Button trong Bootstrap bao gồm 2 class: **btn** và **btn-x**

x bao gồm: primary, success, info, warning, danger, link



```

<button type="button" class="btn btn-default">Default</button>
<button type="button" class="btn btn-primary">Primary</button>
<button type="button" class="btn btn-success">Success</button>
<button type="button" class="btn btn-info">Info</button>
<button type="button" class="btn btn-warning">Warning</button>
<button type="button" class="btn btn-danger">Danger</button>
<button type="button" class="btn btn-link">Link</button>

```

Chú ý: Nếu muốn thêm kiểu mang phong cách riêng của bạn thì bạn thay thế **btn-x** bằng tên class mà các bạn đặt rồi CSS cho class đó

Ví dụ:

```
<button type="button" class="btn btn-red">Gi aotri nhcntt. Com</button>
```

CSS Style:

```
. btn-red{  
Background: red;  
}
```

Kích thước của Button

Button trong Bootstrap có 4 kích thước: lớn (lg), mặc định, nhỏ (sm), cực nhỏ (xs)

Để thay đổi kích thước button, các bạn chỉ cần thêm class **.btn-x**

Trong đó x là: lg, sm, xs

Với kích thước mặc định thì không cần thêm class

Ví dụ:



```
<p>  
  <button type="button" class="btn btn-primary btn-lg">Large button</button>  
  <button type="button" class="btn btn-default btn-lg">Large button</button>  
</p>  
<p>  
  <button type="button" class="btn btn-primary">Default button</button>  
  <button type="button" class="btn btn-default">Default button</button>  
</p>
```

```

</p>
<p>
  <button type="button" class="btn btn-primary btn-sm">Small button</button>
  <button type="button" class="btn btn-default btn-sm">Small button</button>
</p>
<p>
  <button type="button" class="btn btn-primary btn-xs">Extra small
button</button>
  <button type="button" class="btn btn-default btn-xs">Extra small
button</button>
</p>

```

Chú ý: Để button trong Bootstrap full chiều rộng, các bạn chỉ cần thêm class `.btn-block` là xong

Ngoài ra, còn 1 số kiểu như: Disable button, active button các bạn xem thêm tại:
<http://getbootstrap.com/css/#buttons>

VIII. Hình ảnh trong Bootstrap

1. Responsive Image

Trong Bootstrap 3, hình ảnh có thể Responsive bằng cách thêm class `.img-responsive` vào ``

Ví dụ:

```



```

2. Kiểu hình ảnh

Có 3 kiểu: hình vuông, hình tròn, kiểu thumb



```





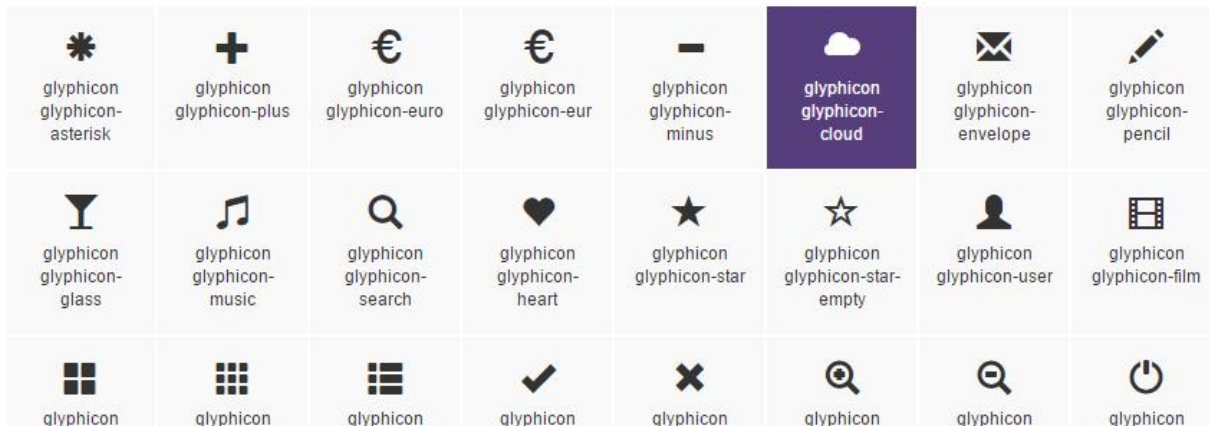
```

Chương III: Các thành phần trong Bootstrap 3

Các thành phần trong Bootstrap là 1 số chức năng khá phức tạp được ghép lại từ CSS cơ bản

I. Font icon

Bootstrap bao gồm hơn 250 font icon chuyên nghiệp, đẹp



Cách sử dụng: Các bạn chỉ cần copy tên class có bên dưới mỗi icon tại:

<http://getbootstrap.com/components/#glyphicons> rồi bỏ vào class của thẻ

Ví dụ:

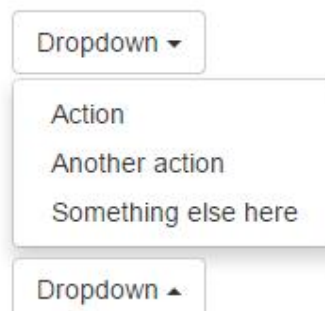
```
<span class="glyphicon glyphicon-cloud"></span>
```

Vậy là bạn đã có 1 icon đẹp mà không cần phải thiết kế hình ảnh. Bạn có thể thêm màu và thay đổi kích thước của icon bằng cách thêm class và CSS cho class đó

Chú ý: Để font này hoạt động, các bạn hãy nhớ đến thư mục font ở trong bộ Bootstrap khi tải về mà tôi đã nói ở chương I

II. Dropdown

Như các bạn đã biết, dropdown là dạng menu xổ xuống. Bạn thường thấy trên những website có nhiều cấp chuyên mục



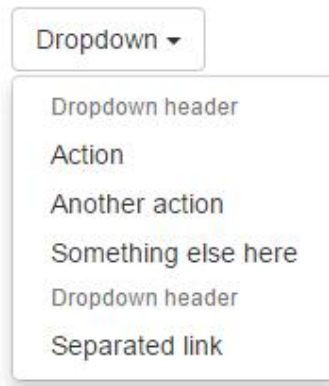
1. Xổ xuống (Dropdown)

```
<div class="dropdown">
  <button class="btn btn-default dropdown-toggle" type="button"
id="dropdownMenu1" data-toggle="dropdown" aria-expanded="true">
    Dropdown
    <span class="caret"></span>
</button>
<ul class="dropdown-menu" role="menu" aria-labelledby="dropdownMenu1">
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1"
href="#">Action</a></li>
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1" href="#">Another
action</a></li>
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1" href="#">Something
else here</a></li>
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1" href="#">Separated
link</a></li>
</ul></div>
```

2. Xổ lên (dropup)

```
<div class="dropup">
  <button class="btn btn-default dropdown-toggle" type="button"
id="dropdownMenu2" data-toggle="dropdown" aria-expanded="true">
    Dropdown
    <span class="caret"></span>
</button>
<ul class="dropdown-menu" role="menu" aria-labelledby="dropdownMenu2">
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1"
href="#">Action</a></li>
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1" href="#">Another
action</a></li>
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1" href="#">Something
else here</a></li>
  <li role="presentation"><a role="menuitem" tabindex="-1" href="#">Separated
link</a></li>
</ul>
</div>
```

3. Dropdown Header



Cái chữ nhỏ nhỏ, mờ mờ kia chính là Dropdown Header đó các bạn à

```
<ul class="dropdown-menu" role="menu" aria-labelledby="dropdownMenu3">
...
<li role="presentation" class="dropdown-header">Dropdown header</li>
...
</ul>
```

4. Ngăn cách menu



```
<ul class="dropdown-menu" role="menu" aria-labelledby="dropdownMenuDivider">
...
<li role="presentation" class="divider"></li>
...
</ul>
```

III. Button Dropdown

1. Kiểu đơn giản



```

<div class="btn-group">
  <button type="button" class="btn btn-default dropdown-toggle" data-
toggle="dropdown" aria-expanded="false">
    Action <span class="caret"></span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu" role="menu">
    <li><a href="#">Action</a></li>
    <li><a href="#">Another action</a></li>
    <li><a href="#">Something else here</a></li>
    <li class="divider"></li>
    <li><a href="#">Separated link</a></li>
  </ul>
</div>

```

2. *Cắt button dropdown*



```

<div class="btn-group">
  <button type="button" class="btn btn-danger">Action</button>
  <button type="button" class="btn btn-danger dropdown-toggle" data-
toggle="dropdown" aria-expanded="false">
    <span class="caret"></span>
    <span class="sr-only">Toggle Dropdown</span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu" role="menu">
    <li><a href="#">Action</a></li>
    <li><a href="#">Another action</a></li>
    <li><a href="#">Something else here</a></li>
    <li class="divider"></li>
    <li><a href="#">Separated link</a></li>
  </ul>
</div>

```

3. Kích thước

Để thay đổi kích thước, các bạn chỉ cần thêm class `.btn-lg`, `.btn-sm`, `.btn-xs` vào `<button>`

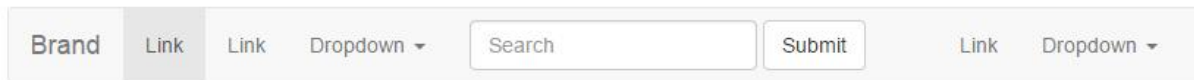


```
<!-- Large button group -->
<div class="btn-group">
  <button class="btn btn-default btn-lg dropdown-toggle" type="button" data-
toggle="dropdown" aria-expanded="false">
    Large button <span class="caret"></span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu" role="menu">
    ...
  </ul>
</div>
```

```
<!-- Small button group -->
<div class="btn-group">
  <button class="btn btn-default btn-sm dropdown-toggle" type="button" data-
toggle="dropdown" aria-expanded="false">
    Small button <span class="caret"></span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu" role="menu">
    ...
  </ul>
</div>
```

```
<!-- Extra small button group -->
<div class="btn-group">
  <button class="btn btn-default btn-xs dropdown-toggle" type="button" data-
toggle="dropdown" aria-expanded="false">
    Extra small button <span class="caret"></span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu" role="menu">
    ...
  </ul>
</div>
```

IV. Menu trong Bootstrap 3



```
<nav class="navbar navbar-default">
  <div class="container-fluid">
    <!-- Brand and toggle get grouped for better mobile display -->
    <div class="navbar-header">
      <button type="button" class="navbar-toggle collapsed" data-
toggle="collapse" data-target="#bs-example-navbar-collapse-1">
        <span class="sr-only">Toggle navigation</span>
        <span class="icon-bar"></span>
        <span class="icon-bar"></span>
        <span class="icon-bar"></span>
      </button>
      <a class="navbar-brand" href="#">Brand</a>
    </div>

    <!-- Collect the nav links, forms, and other content for toggling -->
    <div class="collapse navbar-collapse" id="bs-example-navbar-collapse-1">
      <ul class="nav navbar-nav">
        <li class="active"><a href="#">Link <span class="sr-
only">(current)</span></a></li>
        <li><a href="#">Link</a></li>
        <li class="dropdown">
          <a href="#" class="dropdown-toggle" data-toggle="dropdown"
role="button" aria-expanded="false">Dropdown <span class="caret"></span></a>
          <ul class="dropdown-menu" role="menu">
            <li><a href="#">Action</a></li>
            <li><a href="#">Another action</a></li>
            <li><a href="#">Something else here</a></li>
            <li class="divider"></li>
            <li><a href="#">Separated link</a></li>
            <li class="divider"></li>
            <li><a href="#">One more separated link</a></li>
          </ul>
        </li>
      </ul>
      <form class="navbar-form navbar-left" role="search">
        <div class="form-group">
          <input type="text" class="form-control" placeholder="Search">
        </div>
        <button type="submit" class="btn btn-default">Submit</button>
      </form>
      <ul class="nav navbar-nav navbar-right">
        <li><a href="#">Link</a></li>
```

```

<li class="dropdown">
  <a href="#" class="dropdown-toggle" data-toggle="dropdown"
role="button" aria-expanded="false">Dropdown <span class="caret"></span></a>
  <ul class="dropdown-menu" role="menu">
    <li><a href="#">Action</a></li>
    <li><a href="#">Another action</a></li>
    <li><a href="#">Something else here</a></li>
    <li class="divider"></li>
    <li><a href="#">Separated link</a></li>
  </ul>
</li>
</ul>
</div><!-- /. navbar-collapse -->
</div><!-- /. container-fluid -->
</nav>

```

Chú ý: Nếu bạn muốn thay đổi màu cho menu thì bạn thay class **navbar-default** thành navbar-primary, navbar-success, navbar-info, navbar-warning, navbar-inverse hoặc navbar-danger

Hoặc bạn có thể tự thay đổi màu theo ý thích của bạn bằng cách thêm class và CSS cho class đó

Fixed To Top

Fixed To Top có nghĩa là đặt cố định menu ở đầu trang, kể cả khi kéo thanh cuộn

Cách sử dụng: Các bạn chỉ cần thêm class **navbar-fixed-top** vào thẻ <nav> là xong

Fixed to bottom

Ngược lại so với Fixed to top. Các bạn chỉ cần thêm class **navbar-fixed-bottom** vào thẻ <nav>

V. Breadcrumb trong Bootstrap

Breadcrumb chính là thanh điều hướng trên website. Từ đó khách truy cập sẽ biết mình đang ở mục nào

Home

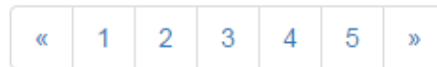
Home / Library

Home / Library / Data


```
<ol class="breadcrumb">
  <li><a href="#">Home</a></li>
  <li><a href="#">Library</a></li>
  <li class="active">Data</li>
</ol>
```

VI. Phân trang trong Bootstrap

1. Kiểu mặc định



```
<nav>
  <ul class="pagination">
    <li>
      <a href="#" aria-label="Previous">
        <span aria-hidden="true">&l aquo;</span>
      </a>
    </li>
    <li><a href="#">1</a></li>
    <li><a href="#">2</a></li>
    <li><a href="#">3</a></li>
    <li><a href="#">4</a></li>
    <li><a href="#">5</a></li>
    <li>
      <a href="#" aria-label="Next">
        <span aria-hidden="true">&ra quo;</span>
      </a>
    </li>
  </ul>
</nav>
```

2. Disable hoặc active thành phần

Bạn thêm class disable hoặc active tại nơi mà bạn mong muốn

```
<nav>
  <ul class="pagination">
    <li class="disabled"><a href="#" aria-label="Previous"><span aria-
hidden="true">&l aquo;</span></a></li>
    <li class="active"><a href="#">1 <span class="sr-
only">(current)</span></a></li>
  </ul>
</nav>
```

3. Kích thước

Phân trang trong Bootstrap bạn cũng có thể chọn kích thước. Bạn chỉ cần thêm class `.pagination-lg` hoặc `.pagination-sm` vào thẻ ``

VII. Label trong Bootstrap



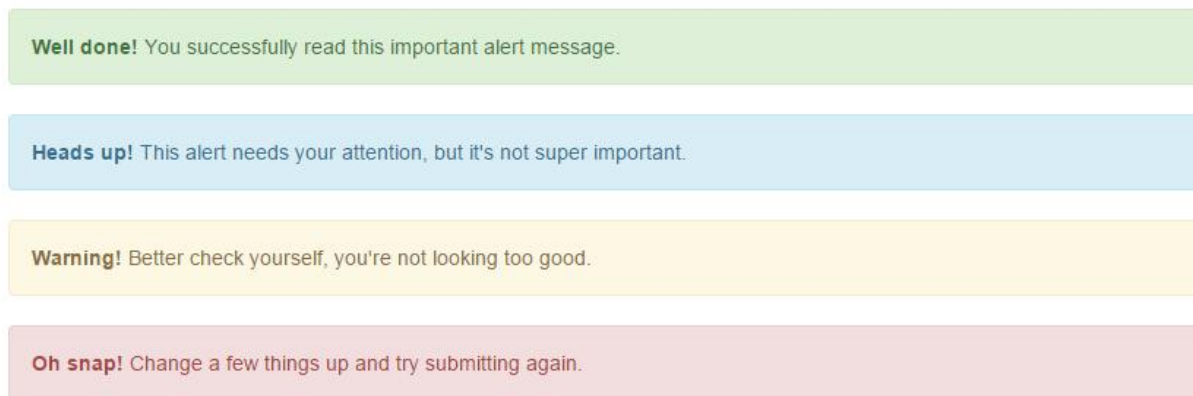
```
<span class="label label-default">Default</span>
<span class="label label-primary">Primary</span>
<span class="label label-success">Success</span>
<span class="label label-info">Info</span>
<span class="label label-warning">Warning</span>
<span class="label label-danger">Danger</span>
```

VIII. Badges trong Bootstrap



Cách sử dụng: Rất đơn giản, các bạn thêm `` tại nơi bạn muốn hiển thị

IX. Alert trong Bootstrap



```
<div class="alert alert-success" role="alert">...</div>
<div class="alert alert-info" role="alert">...</div>
<div class="alert alert-warning" role="alert">...</div>
<div class="alert alert-danger" role="alert">...</div>
```

Chú ý: Alert trong Bootstrap không có kiểu mặc định

Bỏ qua Alert

Warning! Better check yourself, you're not looking too good.



Khi bấm vào nút X thì alert sẽ bị biến mất

```
<div class="alert alert-warning alert-dismissible" role="alert">
  <button type="button" class="close" data-dismiss="alert" aria-label="Close"><span aria-hidden="true">&times;</span></button>
  <strong>Warning!</strong> Better check yourself, you're not looking too good.
</div>
```

X. Thanh tiến trình (Progress bars)

1. Kiểu cơ bản



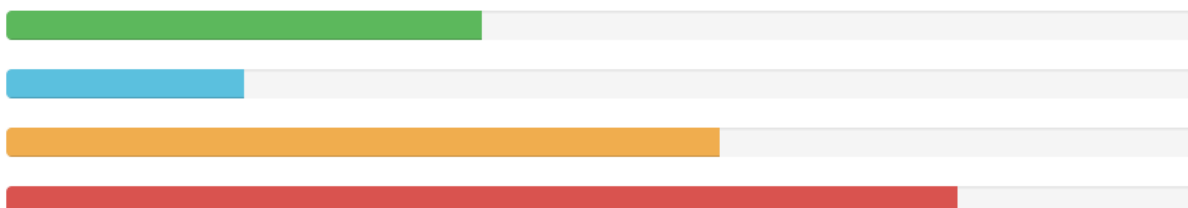
```
<div class="progress">
  <div class="progress-bar" role="progressbar" aria-valuenow="60" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 60%; ">
    <span class="sr-only">60% Complete</span>
  </div>
</div>
```

2. Kiểu với label



```
<div class="progress">
  <div class="progress-bar" role="progressbar" aria-valuenow="60" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 60%; ">
    60%
  </div>
</div>
```

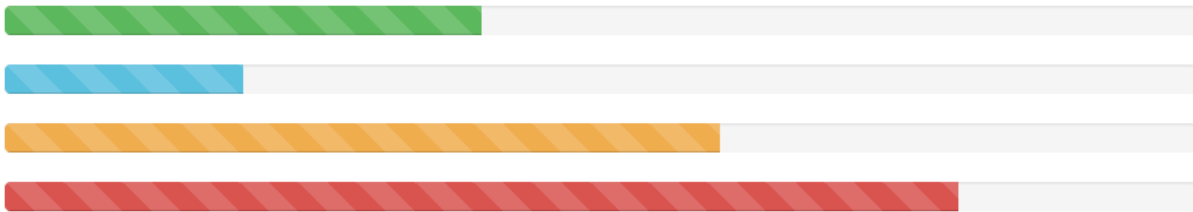
3. Một số kiểu Progress Bar đẹp



```

<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-success" role="progressbar" aria-
    valuenow="40" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 40%">
    <span class="sr-only">40% Complete (success)</span>
  </div>
</div>
<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-info" role="progressbar" aria-
    valuenow="20" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 20%">
    <span class="sr-only">20% Complete</span>
  </div>
</div>
<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-warning" role="progressbar" aria-
    valuenow="60" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 60%">
    <span class="sr-only">60% Complete (warning)</span>
  </div>
</div>
<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-danger" role="progressbar" aria-
    valuenow="80" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 80%">
    <span class="sr-only">80% Complete (danger)</span>
  </div>
</div>

```



```

<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-success progress-bar-striped"
    role="progressbar" aria-valuenow="40" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100"
    style="width: 40%">
    <span class="sr-only">40% Complete (success)</span>
  </div>
</div>
<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-info progress-bar-striped"
    role="progressbar" aria-valuenow="20" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100"
    style="width: 20%">
    <span class="sr-only">20% Complete</span>
  </div>

```

```

    </div>
</div>
<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-warning progress-bar-striped"
    role="progressbar" aria-valuenow="60" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100"
    style="width: 60%">
    <span class="sr-only">60% Complete (warning)</span>
  </div>
</div>
<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-danger progress-bar-striped"
    role="progressbar" aria-valuenow="80" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100"
    style="width: 80%">
    <span class="sr-only">80% Complete (danger)</span>
  </div>
</div>

```

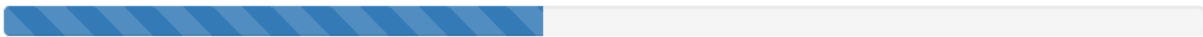


```

<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-success" style="width: 35%">
    <span class="sr-only">35% Complete (success)</span>
  </div>
  <div class="progress-bar progress-bar-warning progress-bar-striped"
    style="width: 20%">
    <span class="sr-only">20% Complete (warning)</span>
  </div>
  <div class="progress-bar progress-bar-danger" style="width: 10%">
    <span class="sr-only">10% Complete (danger)</span>
  </div>
</div>

```

4. Progress Bar hiệu ứng động



```

<div class="progress">
  <div class="progress-bar progress-bar-striped active" role="progressbar" aria-
    valuenow="45" aria-valuemin="0" aria-valuemax="100" style="width: 45%">
    <span class="sr-only">45% Complete</span>
  </div>
</div>

```

XI. List Group

1. Kiểu mặc định

Cras justo odio
Dapibus ac facilisis in
Morbi leo risus
Porta ac consectetur ac
Vestibulum at eros

```
<ul class="list-group">
  <li class="list-group-item">Cras justo odio</li>
  <li class="list-group-item">Dapibus ac facilisis in</li>
  <li class="list-group-item">Morbi leo risus</li>
  <li class="list-group-item">Porta ac consectetur ac</li>
  <li class="list-group-item">Vestibulum at eros</li>
</ul>
```

2. List Group với Badges

Cras justo odio	14
Dapibus ac facilisis in	2
Morbi leo risus	1

```
<ul class="list-group">
  <li class="list-group-item">
    <span class="badge">14</span>
    Cras justo odio
  </li>
</ul>
```

3. Link Item

Cras justo odio
Dapibus ac facilisis in
Morbi leo risus
Porta ac consectetur ac
Vestibulum at eros

```
<div class="list-group">
  <a href="#" class="list-group-item active">
    Cras justo odio
  </a>
  <a href="#" class="list-group-item">Dapibus ac facilisis in</a>
  <a href="#" class="list-group-item">Morbi leo risus</a>
  <a href="#" class="list-group-item">Porta ac consectetur ac</a>
  <a href="#" class="list-group-item">Vestibulum at eros</a>
</div>
```

4. Vô hiệu hóa

Cras justo odio
Dapibus ac facilisis in
Morbi leo risus
Porta ac consectetur ac
Vestibulum at eros

```
<div class="list-group">
  <a href="#" class="list-group-item disabled">
    Cras justo odio
  </a>
  <a href="#" class="list-group-item">Dapibus ac facilisis in</a>
  <a href="#" class="list-group-item">Morbi leo risus</a>
  <a href="#" class="list-group-item">Porta ac consectetur ac</a>
  <a href="#" class="list-group-item">Vestibulum at eros</a>
</div>
```

5. Kiểu list group

Dapibus ac facilisis in	Dapibus ac facilisis in
Cras sit amet nibh libero	Cras sit amet nibh libero
Porta ac consectetur ac	Porta ac consectetur ac
Vestibulum at eros	Vestibulum at eros

```
<ul class="list-group">
  <li class="list-group-item list-group-item-success">Dapibus ac facilisis in</li>
  <li class="list-group-item list-group-item-info">Cras sit amet nibh libero</li>
  <li class="list-group-item list-group-item-warning">Porta ac consectetur ac</li>
  <li class="list-group-item list-group-item-danger">Vestibulum at eros</li>
</ul>
<div class="list-group">
  <a href="#" class="list-group-item list-group-item-success">Dapibus ac facilisis in</a>
  <a href="#" class="list-group-item list-group-item-info">Cras sit amet nibh libero</a>
  <a href="#" class="list-group-item list-group-item-warning">Porta ac consectetur ac</a>
  <a href="#" class="list-group-item list-group-item-danger">Vestibulum at eros</a>
</div>
```

6. Tùy biến nội dung

List group item heading Donec id elit non mi porta gravida at eget metus. Maecenas sed diam eget risus varius blandit.
List group item heading Donec id elit non mi porta gravida at eget metus. Maecenas sed diam eget risus varius blandit.
List group item heading Donec id elit non mi porta gravida at eget metus. Maecenas sed diam eget risus varius blandit.

```
<div class="list-group">
```

```
<a href="#" class="list-group-item active">
  <h4 class="list-group-item-heading">List group item heading</h4>
  <p class="list-group-item-text">...</p>
</a>
</div>
```

Chương IV: Phương pháp học Bootstrap

Có nhiều bạn hỏi tôi học Bootstrap như thế nào cho hiệu quả? Và nên bắt đầu từ đâu?

▼ Bước 01: Học HTML – CSS căn bản

Bootstrap là Front-end Framework nên để bắt đầu làm việc với Bootstrap bạn cần có kiến thức căn bản về HTML – CSS. Vì Bootstrap không thay thế HTML – CSS, mà nó giúp việc thiết kế giao diện nhanh hơn, linh hoạt hơn.

Một số địa chỉ học HTML – CSS:

- 📖 Tiếng Anh: <http://www.w3schools.com>
- 📖 Tiếng Việt:
 - <http://hocwebchuan.com>
 - <http://izwebz.com>

▼ Bước 02: Tham khảo 1 số giao diện mẫu trên Bootstrap

Việc tham khảo các giao diện mẫu được viết bằng Bootstrap để xem cách sử dụng Bootstrap để dựng giao diện như thế nào? Cấu trúc các tags, class được bố trí như thế nào? Vì từ lý thuyết cơ bản đến dựng 1 giao diện là 1 khoảng cách rất xa và gian nan

Giao diện mẫu Bootstrap: <http://getbootstrap.com/getting-started/#examples>

▼ Bước 03: Tìm 1 giao diện thực tế để thiết kế

Trong học lập trình, không gì hiệu quả bằng việc làm 1 dự án thực tế. Thay vì chỉ đọc lý thuyết từ đầu đến cuối, bạn hãy tìm cho mình 1 giao diện thực tế rồi tiến hành dựng nó trên nền tảng Bootstrap.

▼ Bước 04: Đọc Bootstrap cơ bản để thực hiện dự án

Sau khi đã chọn được giao diện thực tế để thiết kế, bạn hãy đọc tài liệu về Bootstrap cơ bản để hoàn thành dự án.

Chú ý: Với kinh nghiệm của tôi thì khi học Framework, tuyệt đối không nên nhớ các cú pháp của nó.

Sức mạnh của Framework chính là bộ tài liệu trên trang chủ của Framework. Còn các tài liệu khác chỉ là để tham khảo. Đầy đủ nhất là tài liệu từ website chính thức.

👉 Đây là phiên bản đầu tiên của Ebook Bootstrap 3 Tiếng Việt. Tôi sẽ liên tiếp nâng cấp những phiên bản tiếp theo để nâng cao giá trị của Ebook.

Tôi rất mong nhận được sự góp ý của các bạn để Ebook được hoàn thiện hơn

👉 Mọi thắc mắc về Bootstrap, các bạn có thể hỏi tôi tại: <http://ask.fm/friendntt10>

Cộng Đồng Pveser rất hân hạnh được đồng hành cùng các bạn yêu thích CNTT.